TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH OAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2018 /HNGĐ-ST
Ngày: 30/01/2018
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH OAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**:*** Ông Nguyễn Bá Thắng

*Các Hội thẩm nhân dân**:***

Ông Lê Huy Trọng

Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Oai : Không tham gia phiên toà. (Công văn số 42/CV-VKS ngày 17/01/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội)

Ngày 30 tháng 01 năm 2018 Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai-TP. Hà Nội; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QQĐXX –ST ngày 17 tháng 01 năm 2018: giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Doãn V - sinh năm 1989; tên gọi khác : Nơi đăng ký hộ khẩu TT và trú tại: Thôn C- xã B - Th.O - TP. H**.** Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc L - sinh năm 1989; tên gọi khác: không có; Nơi đăng ký hộ khẩu TT: Thôn D - xã B , Th.O, TP. H. Vắng mặt nhưng có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn và tại bản tự khai, nguyên đơn là Anh Nguyễn Doãn V trình bày trước khi cưới vợ chồng có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B - Th.O - TP. H ngày 19/9/2011. Quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì , lý do anh đề nghị ly hôn là do chị L không có khả năng mang thai , mặc dù hai vợ chồng đã đi chữa trị nhiều nơi nhưng vẫn không có kết quả. Nay anh không thể chung sống được với L nên đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có;

Về vay nợ; cho vay nợ: Công sức: Không có.

Tại bản tự khai của bà Phạm Thị H là mẹ đẻ của chị L khai , bà nhận thông báo thụ lý của Tòa án và giao tận tay cho con của bà (là chị L), như do chị L đi công tác tại TPHCM nên không thể về Tòa án được.

Tại đơn trình bày của chị Nguyễn Thị Ngọc L: Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã B - huyện Th.O ngày 19/9/2011, vợ chồng lấy nhau được 6 năm nhưng không có con đã đi chữa bệnh ở nhiều nơi nhưng không có kết quả dẫn đến hai vợ chồng có mâu thuẫn về tình cảm. Nay anh V xin ly hôn chị cũng đồng ý .

Về con chung: Không có;

Về tài sản chung; Công nợ; công sức: Không có.

Do chị bận đi công tác không về được chị khước từ phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa Anh V vẫn trình bày quan điểm như trên và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho ly hôn. Chị L xin vắng mặt tại phiên tòa.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Doãn V có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Th.O, Thành phố H giải quyết việc hôn nhân của anh theo quy định tại điểm b khoản

2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Th.O.

[**2]** Về tố tụng: Anh Nguyễn Doãn V và Chị Nguyễn Thị Ngọc L trước khi cưới có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B ngày 19/9/2011, việc kết hôn giữa hai anh chị hoàn toàn tự nguyện, như vậy việc kết hôn giữ anh V với chị L là hợp pháp.

Xét về quá trình chung sống vợ chồng sống với nhau không có con , mặc dù vợ chồng đã đi chữa bệnh ở nhiều nơi nhưng vẫn không có kết quả nay anh V xin ly hôn chị đồng ý nhưng chị đề nghị vắng mặt tại phiên tòa. Cần áp dụng điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với pháp luật.

Xét đời sống chung không thể kéo dài do mục đích hôn nhân của hai người không đạt được nên cho ly hôn là phù hợp.

[**3]** Về con chung: Không có;

[**4]** Tài sản chung: Công nợ; Công sức: anh V , chị L thống nhất khai không có.

[**5]** Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, pháp lệnh về án phí lệ phí Tòa án. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Toà án . Anh V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều: 51; 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Anh Nguyễn Doãn V được ly hôn chị Nguyễn Thị Ngọc L.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung; Công sức ; Công nợ: Không có.

Về án phí: Buộc Anh Nguyễn Doãn V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002172 ngày 08/01/2018 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Th.O.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn Chị Nguyễn Thị Ngọc L vắng mặt, có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú, tại trụ sở UBND xã B, huyện Th.O nơi bị đơn cư trú và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Th.O, thành phố H.

Nơi nhận:
- Toà án ND Thành phố Hà Nôi;
- Viện kiểm sát ND huyện Thanh Oai;
- UBND xã Bình Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

NGUYỄN BÁ THẮNG